TRƯỜNG TH&THCS TÂN HIỆP A2  **KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 6, THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra khi kết thúc nội dung tuần 9*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận* ***(tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận)***

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: ***40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao***

- Phần trắc nghiệm: 3 điểm ***(gồm 12 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu),*** *mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 7 điểm***(Nhận biết: 2 điểm; Thông hiểu: 2 điểm;******Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)***

- Nội dung từ : *Từ tuần 1- tuần 7(* học kì 1).

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

**MÔN : CÔNG NGHỆ - THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****Điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian****(phút)** | **Số CH** | **Thời gian****(phút)** | **Số CH** | **Thời gian****(phút)** | **Số CH** | **Thời gian****(phút)** | **Số CH** | **Thời gian****(phút)** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | **Nhà ở** | 1.1 Khái quát về nhà ở. | 2Câu1,2 |  | 1,5 |  |  |  |  |  | 1Câu16 | 8 | 9 | 4 | 35 | **72,5** |
| 1.2. Xây dựng nhà ở | 2Câu 4,5 |  | 1,5 | 2Câu3,6  | 1Câu14 | 9 |  |  |  |  |
| 1.3. Ngôi nhà thông minh | 2Câu 7,8 | 1Câu13 | 7,5 | 1Câu 9 | 1Câu13 | 7,5 |  |  |  |  |
| **2** | **Bảo quản và chế biến thực phẩm** | 2.1 Thực phẩm và dinh dưỡng. | 2Câu 10,12 |  | 1,5 | 1Câu11 |  | 1,5 | 1Câu15 | 7 |  |  | 3 | 1 | 10 | **27.5** |
| Tổng | **8** | **1** | 12 | **4** | **2** | 18 | **1** | 7 | **1** | 8 | **12** | **5** | **45** | **100** |
| Tỉ lệ (%) | 40 | 30 | 20 | 10 |  |  |  |  |
| Tỉ lệ chung (%) | 70 | 30 |  |  |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung** **kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **VD cao** |
| **1** | **Nhà ở** | Khái quát về nhà ở  | **Nhận biết:**- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở - Nêu được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  **Thông hiểu:**- Phân tích được một số vị trí, các phần của ngôi nhà.**Vận dụng:**Thiết kế và vẽ được sơ đồ khối ngôi nhà có các phòng chức năng phù hợp với số lượng các thành viên trong gia đình. | 2 (C1,CB1;C2,CB2) |  |  | 1(C16) |
| Xây dựng về nhà ở | **Nhận biết:**- Nêu được ứng dụng chính của một số loại vật liệu làm nhà ở.- Nêu được các bước chính xây dựng nhà ở.**Thông hiểu:**- Hiểu được có bao nhiêu loại vật liệu phổ biến.- Phân biệt được một số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam | 2(C4,CB1;C5,CB2) | 2(C6,CB1;C3,CB2) |  |  |
| Ngôi nhà thông minh | **Nhận biết:**- Nêu được số lượng các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.- Mô tả được sự hoạt động của các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.**Thông hiểu:**- Hiểu được một số thiết bị lắp đặt cho ngôi nhà thông minh là phù hợp. | 2(C7,CB1;C8,CB2) | 2(C9,CB1;C13,CB1) |  |  |
| **2** | **Bảo quản và chế biến thực phẩm** | Thực phẩm và dinh dưỡng | **Nhận biết:**– Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính.– Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. **Thông hiểu:**- Hiểu được giá trị dinh dưỡng từng loại đối với sức khỏe con người.**Vận dụng:**Đề xuất một số việc làm để hình thành thói quen ăn uống khoa học cho bản thân và gia đình. | 2(C10,CB1; 12,CB2) | 1(C11,CB1) | 1(C15) |  |
| **Tổng** |  | **9** | **5** | **1** | **1** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (3 điểm)

*Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1**. <NB>Nhà ở có đặc điểm chung về

A. kiến trúc và màu sắc.

B. cấu tạo và phân chia các khu vực chức năng.

C. vật liệu xây dựng và cấu tạo.

D. kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng.

**Câu 2.** <NB> Nhà ở vùng nông thôn có kiến trúc:

A. Các khu vực chức năng trong nhà ở thường được xây dựng tách biệt.

B. Thường được thiết kế cao tầng để tận dụng không gian theo chiều cao.

C. Là kiểu nhà được xây dựng trên các cột phía trên mặt đất.

D. Nhà được tổ chức thành không gian riêng dành cho từng gia đình.

**Câu 3.** <TH>  **Em hãy cho biết, kiểu nhà nào sau đây thuộc kiến trúc nhà ở nông thôn?**

A**.**Nhà ở mặt phố B. Nhà ở chung cư

***C. Nhà ở ba gian*** D. Nhà sàn

**Câu 4.** <NB> Ứng dụng chính của xi măng trong xây dựng nhà ở là:

A. Làm tường nhà, mái nhà. B. Làm nội thất.

C. Kết hợp với cát tạo ra vữa xây dựng. D. Kết hợp với đá tạo ra bê tông.

**Câu 5.** <NB> Các bước chính để xây dựng nhà ở gồm:

A. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô. B. Hoàn thiện, thi công thô, thiết kế

C. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện D. Thiết kế, Thi công thô, hoàn thiện

**Câu 6.** <TH> Có bao nhiêu loại vật liệu xây dựng phổ biến ?

A. 2 B. 3 C. 5 D. 6

**Câu 7.** <NB> Ngôi nhà thông minh có mấy nhóm hệ thống thông minh:

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Câu 8.** <NB> Phát biểu nào sau đây mô tả đúng về ngôi nhà thông minh?

A. Có thiết bị giám sát các khu vực ngoài nhà.

B. Cửa ra vào tự động mở khi chủ nhà đứng ở cửa.

C. Chuông báo cháy vang lên khi có trộm.

D. Cửa không tự mở khi có người.

**Câu 9.** <TH> Thiết bị nào sau đây phù hợp với ngôi nhà thông minh?

A. Đèn, quạt mở và tắt bằng công tắc.

B. Rèm cửa, cửa ra vào không tự hoạt động.

C. Thiết bị đun nước bằng năng lượng điện.

D. Thiết bị đun nước bằng năng lượng mặt trời.

**Câu 10.** <NB> Tôm, cá, trứng, sữa,…thuộc nhóm thực phẩm:

A. Giàu chất tinh bột. B. Giàu chất đạm.

C. Giàu chất béo. D. Giàu chất xơ.

**Câu 11.** <TH> Nhóm thực phẩm giàu vitamin có vai trò:

A. Cung cấp năng lượng chủ yếu cho hoạt động của cơ thể.

B. Cung cấp năng lượng, tích trữ dưới dạng lớp mỡ để bảo vệ cơ thể.

C. Tăng cường hệ miễn dịch, tham gia quá trình chuyển hóa các chất.

D. Giúp cho sự phát trển của xương, hoạt động của cơ bắp, cấu tạo hồng cầu.

**Câu 12.** <NB>Theo khuyến cáo thì khoảng cách giữa các bữa ăn thích hợp là:

A. Khoảng 3 – 4 giờ. B. Khoảng 4 – 5 giờ.

C. Khoảng 5 – 6 giờ. D. Khoảng 6 – 7 giờ.

**II. TỰ LUẬN** (7 điểm)

**Câu 13** <NB>: Ngôi nhà thông minh là gì ? Nêu các hệ thống thường lắp trong ngôi nhà thông minh (nêu ít nhất được hai hệ thống). (2 điểm)

**Câu 14** <TH>:a) Sắp xếp các công việc dưới đây sao cho phù hợp với các bước xây dựng nhà ở. (1 điểm)

*làm móng nhà, trát và sơn tường, làm khung tường, lát nền, lập bản vẽ, lắp khung cửa, lắp đặt các thiết bị điện, lắp đặt bồn nước.*

b) Dựa vào những đặc điểm nào để em nhận biết được ngôi nhà thông minh?. (1 điểm)

**Câu 15** <VDT>: Em hãy đề xuất một số việc làm để hình thành thói quen ăn uống khoa học cho bản thân và gia đình. (2 điểm)

**Câu 16** <VDC>: Em hãy thiết kế và vẽ sơ đồ khối ngôi nhà có các phòng chức năng phù hợp với gia đình gồm có bốn người: cha, mẹ và hai người con. (1 điểm)

**III. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Trắc nghiệm**

*Khoanh đúng mỗi câu được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | A | C | C | D | D | C | B | D | B | C | B |

**B. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 13 | - Khái niệm: Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hay bán tự động cho các thiết bị trong gia đình, nhờ đó giúp cuộc sống trở nên tiện nghi hơn, đảm bảo an ninh, an toàn và tiết kiệm năng lượng. | 1 |
| - Hệ thống trong ngôi nhà thông minh (nêu ít nhất được hai hệ thống): + Nhóm hệ thống an ninh, an toàn: điều khiển ca-mê-ra giám sát, khoá cửa, báo cháy,... | 0,5 |
|  + Nhóm hệ thống chiếu sáng: điều khiển thiết bị ánh sáng trong nhà, rèm cửa,... | 0,5 |
| 14a | 1. Thiết kế: Lập bản vẽ | 0,25 |
| 2. Thi công thô: làm móng nhà, làm khung tường, lắp khung cửa. | 0,25 |
| 3. Hoàn thiện: trát và sơn tường, lát nền, lắp đặt các thiết bị điện, lắp đặt bồn nước. | 0,5 |
| 14b | 1.Tiện ích- Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh có thể được điều khiển từ xa thông qua các ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị như: điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối in-tơ-nét. 2. An ninh, an toàn- Các thiết bị được lắp đặt sẽ giúp cảnh báo tới chủ nhà các tình huống gây mất an ninh, an toàn như: có người lạ đột nhập, quên đóng cửa hay những nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra.3.Tiết kiệm năng lượng- Các thiết bị công nghệ sẽ điều khiển, giám sát việc sử dụng hợp lí các nguồn năng lượng trong ngôi nhà, từ đó giúp tiết kiệm năng lượng | 0,250,250,5 |
| 15 | - Ăn đúng bữa: Bữa sáng, bữa trưa và bữa tối. bữa sáng là quan trọng nhất. Các bữa ăn nên cách nhau 4 – 5 giờ. | 0,5 |
| - Ăn đúng cách: Cần tập trung khi ăn uống, nhai kĩ, cảm nhận hương vị của món ăn để kích thích hệ tiêu hóa hoạt động. | 0,5 |
| - Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 0,5 |
| - Uống đủ nước: nên uống từ 1,5-2 lít nước, uống trực tiếp hoặc qua thực phẩm như sữa, các món ăn. | 0,5 |
| 16 | - Thiết kế: 1 phòng khách, 2 phòng ngủ, 1 phòng bếp, 1 phòng tắm (vệ sinh) | 0,5 |
| - Vẽ sơ đồ khối: | 0,5 |